TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS-ST.
Ngày: 01-8-2022.
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tăng Thị Bạch Vân;

2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Không.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2022/QĐST - DS ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/01/1949.

Địa chỉ: Số 76/3, ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Trịnh Lệ T, sinh ngày 02/6/1964. Địa chỉ: Số 13, đường N, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị Tám N, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp N, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (ông C, bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2022 của nguyên đơn Nguyễn Thị L cùng các lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án, trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Tám N và ông Đinh Văn C làm chủ hụi, bà L là hụi viên, có tham gia 01 dây hụi tháng 2.000.000đồng, mở ngày 15/7/2020 âl, có 22 phần, giấy hụi tên

"CÔ HAI L", bà L đóng hụi sống được 17 lần đến lần thứ 18 thì bà N, ông C không khui nữa. Ông C, bà N còn nợ bà L tổng số tiền là 34.000.000đồng.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị Tám N có trách nhiệm cùng liên đới trả lại bà L tổng số tiền là 34.000.000đồng.

Tại biên bản hòa giải đối thoại ngày 13/5/2022, Người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Trịnh Lệ T và bị đơn bà Nguyễn Thị Tám N đã thống nhất số tiền ông C, bà N phải trả cho bà L trong dây hụi trên là 34.000.000đồng, do vào ngày 14/6/2022 ông C, bà N có trả 2.000.000đồng nên các bên thống nhất số nợ còn lại là 32.000.000đồng, bà T đồng ý bớt 2.000.000đồng còn lại 30.000.000đồng và yêu cầu phải trả trong 10 tháng, bắt đầu trả từ tháng 6/2022. Bà N đồng ý nhưng do ông C vắng mặt nên hòa giải không thành. Ngày 15/5/2022 bà T đã có đơn yêu cầu Tòa án thụ lý vụ án vì việc thỏa thuận trên không có mặt ông C nên sẽ gặp khó khăn trong việc thu hồi nợ. Bà giữ nguyên yêu cầu buộc ông C, bà N cùng liên đới trả cho bà L 32.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án đã cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên cầu buộc các bị đơn phải cùng liên đới trả số tiền nợ hụi của dây hụi trên với số tiền là 32.000.000đồng.

Tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."; ".... Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó ..." và " Đương sự có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án".

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho các bị đơn như: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Trong đó, thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của

nguyên đơn, không phản đối yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và quyền cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn mà đã có đủ căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hoàn toàn hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 93, Điều 94 và Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức góp hụi với mục đích tương trợ, có hưởng huê hồng và tiền lãi được thực hiện theo quy định của pháp luật là có thật. Tuy nhiên, hiện nay dây hụi mà nguyên đơn tham gia do các bị đơn làm đầu thảo đã bị các bị đơn ngưng khui mà không trả lại số tiền hụi sống cho nguyên đơn, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn thì hiện nay các bị đơn còn nợ nguyên đơn là 32.000.000đồng. Do các bị đơn không phản đối nên yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải cùng liên đới thanh toán số tiền hụi còn nợ của dây hụi trên là 32.000.000đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính thêm tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị Tám N cùng liên đới có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị L 32.000.000đồng (Ba mươi hai triệu đồng) tiền nợ hụi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị Tám N phải cùng liên đới trả số tiền lãi suất cho bà Nguyễn Thị L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Đinh Văn C và bà Nguyễn Thị Tám N phải cùng liên đới chịu 1.600.000đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH